THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI LUẬN

QUYỂN 5

Hỏi: Kinh Phật Tạng nói: "Thế nào là ác tri thức? Thế nào là Thiện tri thức?" Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: "Nếu có Tỳ-kheo dạy Tỳ-kheo khác rằng: Ông phải niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, như thế chỉ quán Niết-bàn an ổn vắng lặng, chỉ có ái rốt ráo thanh tịnh, người dạy như thế là tà giáo, là ác tri thức, người này gọi là phỉ báng ta, tiếp tay cho ngoại đạo. Người ác như thế, ta không cho nhận một bát nước để tự cúng dường, là tu hành theo ma giáo." Lại nói: "Thà phạm năm tội nghịch, chứ không thành tựu ngã kiến, chúng sinh kiến, thọ kiến, mạng kiến, ấm nhập giới kiến." Đây đều là có tâm sở đắc để niệm Phật. Đức Thế Tôn dùng nhiều lời quở trách. Văn kinh này lại nói: "Nghe pháp không vô sở đắc, thì tự mình tỉnh giác, các pháp trước kia ta thọ đều là tà kiến, đối với pháp không vô sở đắc này không nghi ngờ không hối hận, thâm nhập thông đạt,không y theo tất cả ngã kiến, nhân kiến, ta gọi người này là thanh tịnh phạm hạnh." Nay đã khuyên người dùng tâm có sở đắc tu hữu tướng niệm Phật, như thế há không bị chư Phật quở trách sao?

Thích: Chư Phật nói pháp đều thích hợp căn cơ, cơ thì có sâu cạn, đại tiểu khác nhau, hoặc thì có nhân pháp, kiến tu khác nhau, nên trình bày pháp yếu, giáo hóa vật cơ kia, hoặc quở Có, khen Không, hoặc chê Không khen Có, hoặc dạy bỏ Tiểu thừa học Đại thừa, hoặc dạy học Tiểu thừa trước, sau học Đại thừa. Nên cơ có muôn đường, pháp thành tám vạn, tùy duyên giáo hóa chúng sinh, khó thể suy nghĩ bàn luận, nhưng như kinh này đã nói, quở trách người có tâm sở đắc, thì thà gây ra năm tội nghịch còn hơn.

Ngoài ra Thánh giáo còn nói: "Thà khởi ngã kiến như núi Tu-di, chứ chớ khởi Không kiến như hạt cải." Còn kinh Pháp Hoa nói: "Không được gần gũi người học ba tạng Tiểu thừa." Kinh Thập Luân nói: Không có sức uống nước sông, ao, làm sao nuốt được biển cả? Không học tập pháp Tiểu thừa, thì đâu thể học Đại thừa? Các kinh Đại thừa như thế

quở Có trách Không. Khen Đại tán Tiểu, không có thuyết nhất định, đều là hợp cơ khác nhau. Ngay nơi Phật có chân thân, ứng thân, người học có thứ lớp trước sau khác nhau, nhưng pháp thân sâu mầu, lìa hữu vô, bốn câu, trăm phi đều tan mất, chỗ này người học sâu đối với Đệ nhất nghĩa đế không kinh động, nhưng còn trụ ở các tướng, chưa quên tâm phân biệt.

Kinh này quở trách có tâm sở đắc, khiến dứt bỏ được chấp nhân và pháp chấp, dạy quán pháp vô sở đắc, tu niệm Phật pháp thân, nên văn kinh này nói: Thấy vô sở hữu, gọi là niệm Phật. Nếu người mới học bỏ tà về chánh, phát tâm Bồ-đề, nguyện sinh Tịnh độ, đối với vô sở đắc chưa hiểu an tâm, hoặc lại quán không, nói nhân quả vắng lặng, tức không có tâm sợ tội, lại khởi triền cái, nếu không nói rộng nhân quả thiện ác, tịnh uế khác nhau, thân tướng chư Phật không thể suy nghĩ bàn luận, thì làm sao có thể phát tâm lành cho người đó, kinh sợ tội chướng này, nhàm chán cõi uế này, ưa thích cõi thanh tịnh kia, chăm chú quán tưởng sợi lông trắng, quán kỹ các tướng, diệt trừ tội lụy, thành cái nhân thù thắng kia được? Cho nên khuyên quán sắc thân, dạy người học cạn này.

Nên kinh Hiền Hộ quyển một nói: "Này Hiền Hộ! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thanh tịnh trì giới, giữ đủ các hạnh, tư duy như thế thì bất cứ ở chỗ nào, đều là Tây phương của Phật Di-đà? Tưởng niệm như thế, Phật chánh giác kia, hiện nay ở Tây phương, hệ niệm tư duy, quán sát không thôi, cho thật rõ ràng, cuối cùng được thấy Đức Phật A-di-đà." Quán sắc thân như thế. Về sau lại có kinh nói: "Hiện tại, A-di-đà Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, sắc thân sáng như đống vàng ròng như thế, cho đến không niệm Đức Như Lai kia, cũng không được sắc thân Đức Như Lai kia, thứ lớp như thế được Không Tam-muội. Này thiện nam! Đó là Tam-muội hiện tiền của chư Phật.

Còn kinh Quán Phật Tam-muội Hải nói rằng: "Như Lai cũng có Pháp thân, mười Lực, bốn Vô úy, ba Giải thoát, các thần thông, những điều nhiệm mầu như thế, chẳng phải là cảnh giới sở học của ông, chỉ nên thâm tâm khởi tưởng tùy hỷ, khởi tưởng này rồi, lại buộc niệm, niệm công đức của Phật." Cho nên biết rằng hàng Sơ học quán sắc thân Phật, lớp hậu học niệm Pháp thân, nên nói thứ lớp như thế, được không Tam-muội. Còn thích quán lý Phật thì chỉ bày dùng thân vô tướng, cầu niệm sự thân, nói lấy cái thể của tướng tốt, nên phải khéo hiểu ý kinh, đừng sinh tâm chê khen, cái hay của bậc Đại Thánh chính là khéo hợp

căn cơ.

Hỏi: Tịnh độ trong mười phương nhiều vô lượng vô biên, cũng khuyên tu vãng sinh về cõi nước chư Phật, vì sao ở đây chỉ khuyên vãng sinh về thế giới Cực lạc?

Thích: Ở đây có ba cách giải thích:

1. Có nói mà không khuyên.

2. Có khuyên mà cơ thiếu.

3. Văn khuyên không đủ.

- Có nói mà không khuyên: Như kinh Niết-bàn nói: "Ở ngoài cõi Tây phương này qua bốn mươi hai hằng hà sa thế giới, có Tịnh độ tên Vô Thắng, giống như thế giới Cực lạc ở Tây phương không khác, Như Lai bỏ cõi Tịnh độ kia mà sinh đến cõi Ta-bà này, giáo hóa chúng sinh." Nếu là Tịnh độ thì có thể nguyện sinh, vì sao Đức Thích-ca Như Lai không khuyên sinh về Tịnh độ mình, mà chỉ khuyên vãng sinh thế giới Cực lạc cho đến các kinh Đại thừa tuy nói Tịnh độ mà không có văn khuyên sinh.

- Có khuyên mà cơ thiểu: Như Duy-ma-cật tiếp lấy thế giới Diệu Hỷ ở xa, đặt vào cõi này, chỉ cho đại chúng thấy, Phật khuyên đại chúng sinh về cõi đó, có mười bốn na-do-tha người phát tâm Bồ-đề, nguyện sinh về cõi nước đó, Phật thọ ký sẽ vãng sinh như sau: "Thế giới Diệu Hỷ ở cõi nước này đã đáp ứng lợi ích khắp nơi xong rồi, trở về chỗ cũ." Nếu Tịnh độ này hợp với tất cả chúng sinh đều được vãng sinh, thì cớ gì Phật trừ người ở cách mười bốn na-do-tha? Như Lai không khuyên khắp chúng sinh xưa nay, sinh về nước Diệu Hỷ, mà nói lợi ích Diệu Hỷ xong rồi, nên biết không có cơ duyên cho nên không khuyên.

- Văn khuyên không đủ: Kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh và kinh Dược Sư tuy nêu các Tịnh độ phương khác, nhưng văn kinh này không chu tất. Thế nào là chu tất? Chỉ như trong kinh Quán... khuyên vãng sinh Tây phương:

1. Nói về phàm phu.

2. Nói vị lai.

3. Nói rõ gây nghiệp.

4. Có chư Phật mười phương xuất tướng lưỡi chứng thành.

5. Có nhiều bản kinh văn đồng chứng, y theo đó tu học, không có nghi trệ, nên nghiệp Tịnh độ Tây phương dễ thực hành theo. Các kinh không có văn kiện trước, chỉ có chỗ một câu, hai câu khuyên vãng sinh, khó thể y cứ, vì sao bỏ câu văn rộng nhiều để chọn câu văn kinh nhỏ, ít?

Còn văn kinh khuyên y theo kinh liễu nghĩa, không y theo kinh bất liễu nghĩa. Thì Tam tạng pháp sư giải thích kinh liễu hay bất liễu có bốn loại, trong kinh Quán có trình bày đủ nghĩa đó. Nay giáo của Tịnh độ này có bốn nghĩa, nên có thể y theo đó để tu tịnh hạnh; văn nghĩa của các kinh khác tuy nói bốn nghĩa Tịnh độ, không đủ là Bất liễu nghĩa, nhưng có thể y theo đó để tu Tịnh nghiệp.

Hỏi: Trong các luận nói mạng chung thọ sinh, chỉ trụ trong xả thọ. Vì sao kinh Quán nói: "Vui mừng hớn hở, tự thấy thân của mình ngồi trên đài kim cương?" Vui mừng đã mạnh, vì sao lại xả mạng?

Đáp: Có một vị sư giải thích rằng:

Thọ sinh cõi uế, không có Thánh đón rước, chỉ trụ trong tâm xả thọ mà qua đời. Thọ sinh Tịnh độ, có Thánh chúng đón rước, hành giả khi qua đời, nhờ Từ bi của Phật che chở, nên ở vị hỷ thọ cũng được qua đời. Các luận phần nhiều căn cứ thọ sinh cõi uế, nên nói thế, không nên lấy đó làm ví dụ.

Có thuyết cho vãng sinh Tịnh độ cũng trụ trong tâm xả thọ mà qua đời, vì tánh của tâm xả thọ yếu kém, thuận theo đó qua đời. Tâm hỷ thọ mạnh, không thể xả mạng. Kinh nói: "Vui mừng hớn hở" đây là tâm sắp qua đời, chẳng phải là tâm đang qua đời. Kinh và luận mỗi thứ căn cứ một nghĩa, không trở ngại nhau.

Hỏi: Kinh Quán nói: "Khi qua đời một niệm, mười niệm cũng được vãng sinh." Kinh A-di-đà nói: "Một ngày đến bảy ngày nhất tâm bất loạn, mới vãng sinh Tịnh độ." Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Trọn đời một bề chuyên niệm Phật, mới được vãng sinh thế giới Cực lạc. Nếu trọn đời niệm Phật mới được vãng sinh tức là một ngày, bảy ngày, một niệm, mười niệm là nói suông; nếu một niệm, mười niệm cũng được vãng sinh, cần gì lại dạy bảy ngày trọn đời chuyên hành niệm Phật?"

Đáp: Từ một niệm đến mười niệm, từ một ngày cho đến bảy ngày và cho đến trọn đời, đều được vãng sinh thế giới Cực lạc, đều chẳng phải nói suông, tất cả đều nói thật. Đức Đại Thánh Thế Tôn nói lời đúng sự thật, đâu có giả dối mà nói sai ư? Nhưng chúng sinh niệm Phật nghe Tịnh độ dạy có sớm có muộn, khi phát tâm có chậm có nhanh, hoặc mạng có dài ngắn, cho nên kinh nói khác nhau.

Nếu ngày qua đời mới gặp Thiện tri thức dạy phát tâm niệm Phật, cũng được vãng sinh, dù có tiến lên, cũng chỉ có bậc hạ. Có người mạng chưa hết, qua một ngày mới mất, hoặc một ngày, hai ngày cho đến nhiều ngày, có thể niệm danh hiệu Phật, tất cả bất loạn, thì tùy theo mạng của người đó, dạy khiến một ngày xưng niệm danh hiệu

Phật. Nếu tuổi thọ của người đó lâu dài, nhiều ngày không chết, lại dạy trọn đời, khiến họ niệm danh hiệu Phật, không thể rút ngắn mạng tại đây, dạy họ niệm Phật lâu dài; không thể sống đến trăm tuổi, chỉ dạy một ngày xưng danh. Nên kinh văn ba bản đều khuyên niệm Phật, đều tùy một nghĩa, dạy niệm Phật có khác nhau, nhưng kinh này và kinh kia không trở ngại nhau, nghĩa không trái nhau.

Nên kinh Quán đối với người qua đời, ít nhất một niệm, cho đến mười niệm cũng được vãng sinh; kinh A-di-đà đối với người chết đã trãi qua một ngày mà có thể niệm Phật cũng được vãng sinh Tịnh độ; kinh Vô Lượng Thọ đối với người sống lâu không chết, tu nhiều công đức nhiều nhất hoặc là nhiều giờ nhiều ngày tu niệm. Lại ba biệt này tức ba phẩm tu, phẩm thượng nói trọn đời, phẩm trung nói ngày, phẩm hạ nói giờ. Trong chín phẩm mỗi phẩm đều có nhiều thứ. Tuy đều vãng sinh, đều không khổ não. Nhưng hoa nở ngộ đạo, sớm chiều khác nhau, kinh nói có khác, là do ý này.

Hỏi: Thế giới Ta-bà này có mười việc cao quý, ở các Tịnh độ khác không có, còn ở cõi này tu đạo một ngày một đêm hơn một trăm năm ở thế giới Cực lạc. Y cứ theo văn kinh này, ở cõi uế tu đạo hơn ở cõi Tịnh, vì sao lại khuyên vãng sinh Tây phương?

Thích: Nếu như điều ông hỏi thì tất cả giáo môn Tịnh độ đều không nói được, như lợi ích mà các kinh dẫn trên đã nói thì Tịnh độ không có, các giáo Tịnh độ lại ân cần khuyên nguyện vãng sinh, là có ý gì? Nay hai kinh này đối cơ khuyên khen khác nhau, khen ngợi trụ ở đây, khiến cho các Bồ-tát tuy ở cõi uế, vẫn không mất hạnh của mình, có thể làm lợi ích cho chúng sinh khổ não, thực hành đại bi nhiều hơn, nên khen ngợi ở cõi uế. Từ trong cõi uế đó có Bồ-tát cư ngụ, gặp duyên ác, gây ra nhiều tội lỗi, thế nên Như Lai khuyên chúng sinh kia vãng sinh Tịnh độ, dứt hẳn duyên ác, thoát khỏi trôi lăn, Phật khuyên Bồ-tát nên vãng sinh Tịnh độ.

Ý của hai bộ kinh này, căn tánh Bồ-tát, có hai thứ khác nhau, làm sao mới dẫn Duy-ma đã khen ngợi các Bồ-tát cư ngụ ở cõi uế, các văn nói làm lợi ích chúng sinh, là nói ta chỉ ở cõi uế này tu đạo, đâu cần phải sinh ở Tịnh độ kia? Tuy biết một ngày tu đạo ở đây bằng một trăm năm ở cõi đó, nhưng vì ít thấy Phật, gặp ác tri thức, nhiều duyên lui sụt, nên khuyên vãng sinh Tịnh độ.

Như kinh Đại Tập quyển 28, phần Nhật mật nói: "Này thiện nam! Tất cả chúng sinh ở thế giới của Đức Phật kia, phiền não bền chặt, ràng buộc sâu dày, thân hình xấu xí, khởi nhiều kiêu mạn, ác khẩu, hai lưỡi,

xa lìa lời nói thật, thật ra ngu si, mà hiện tướng trí tuệ, thường khởi san tham mà hiện tướng xả thí; nhiều khúc mắc mà hiện tướng ngay thẳng; tâm nhiều trược loạn mà hiện tướng thanh tịnh, thường ganh ghét mà hiện tướng mềm mỏng, thích chia rẽ người mà hiện tướng hòa hợp, khởi nhiều tà kiến mà hiện tướng chánh kiến, dứt mất gốc lành tăng thêm ba đướng ác. Này thiện nam! Nay ông có thể vì ta mà làm sứ giả đến nước kia không?" Cho đến: Bấy giờ, Bồ-tát Nhật Mật bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con có thể đến nơi đó để giảng nói chú này, nhưng khi con nghĩ đến cõi đó mà sinh kinh sợ. Vì sao? Vì lúc đó Như Lai bảo con giảng nói cho các chúng sinh ở cõi nước có nhiều tệ ác kia, giống như điếc, mù, câm, theo ý người nữ. Bạch Thế Tôn! Nếu thuận theo ý người nữ, nên bết người này sẽ mãi mãi dứt mất gốc lành." Phật nói: "Này thiện nam! Nay ông không vì lợi ích hiện tại, lợi ích về sau, thì nên làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, hãy đến giảng nói, đừng sinh nghi ngờ. Này thiện nam! Ông chẳng phải là Duy-ma-cật của cõi kia sao? Vì sao mà sinh sợ sệt? Lại có vô lượng vô số Bồ-tát, tâm họ dao động, dốc lòng hệ niệm, muốn được gần gũi lễ bái Thích-ca Như Lai và đại chúng, luôn cả muốn nghe nhận kinh điển nhiệm mầu, như thế đại chúng đều đồng tâm muốn đến cõi kia, ta vì họ mà nói việc lớn. Vì sao? Vì đại chúng này, tâm họ chưa định, nếu đến cõi kia, có lẽ sẽ sinh điên đảo, gần ác tri thức. Đức Phật kia bảo rằng: Này thiện nam! Nay Ông không nên sinh tâm sợ sệt."

Bồ-tát Bất định tức là sơ vị thối hạnh Bồ-tát, gọi là Bất định. Vì bất định nên sợ đến cõi này gặp duyên ác, lui sụt sẽ làm ác, Bồ-tát ở cõi Tịnh độ kia tạm đến thế giới Ta-bà bà này, còn sinh sợ sệt, không dám đến. Người tu hành ngày nay, chưa phải là Bồ-tát Bất thoái, mà liền muốn đến thế giới Ta-bà tu đạo, không muốn đến thế giới Tây phương, thật là có lỗi.

Luận Du-già dẫn kinh Thâm Mật: Văn-thù-sư-lợi thưa hỏi Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Trong các cõi uế, việc gì dễ được? Việc gì khó được?

Phật bảo:

- Này thiện nam! Trong các cõi uế có tám việc dễ được, hai việc khó được.

Tám việc dễ được gồm:

1. Ngoại đạo.
2. Chúng sinh có khổ.

3. Chủng tánh gia thế, hưng suy khác nhau.

4. Làm các việc ác.

5. Hủy phạm Thi-la.

6. Đường ác.

7. Hạ thừa.

8. Bồ-tát gia hạnh ý lạc thấp kém.

- Hai việc khó được là:

1. Tăng thượng ý lạc gia hạnh Bồ-tát được du tập.

2. Như Lai xuất hiện ở đời.

Này thiện nam! Ở các Tịnh độ trái với những điều nói trên, nên biết tám việc rất khó được, hai việc dễ được. Cho nên phần nhiều khuyên chúng sinh vãng sinh Tịnh độ.

Hỏi: Ở Tịnh độ không có ba đường ác, mà có chim hóa nói pháp, Tịnh độ không có người nữ thật, nhưng có nữ hóa nói pháp phải không?

Thích: Có hai cách giải thích:

1. Có chim hóa mà không có nữ hóa, vì sao? Vì kinh chỉ có chim hóa mà không nói có nữ hóa. Nếu có thì văn kinh cũng phải nói. Còn luận Tịnh độ nói: "Người nữ và người thiếu căn, hạt giống Nhị thừa không sinh. Bắt bẻ rằng: "Kinh nói Tịnh độ biến hóa trang nghiêm, đâu thể hết được?" Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: "Dù cho Đức Thế Tôn có trụ thế trăm ngàn kiếp, hóa vô số khổ, nói tướng trang nghiêm của Tịnh độ kia, cũng không thể hết được. Chẳng lẽ vì không nói mà không có sao?

2. Cõi kia có nữ hóa, như kinh Quán Âm Thọ Ký nói: "Bồ-tát Quán Thế Âm hóa ra vô lượng người nữ, đây không phải là nữ hóa đó sao?" Kinh Cổ Âm Thinh Vương nói: "Phật A-di-đà có cha có mẹ" là hóa hạ vị để hiện thị có người nữ; hóa thượng vị, là nói không có người nữ, cũng không trái nhau.

Hỏi: Kinh Di-lặc Phát Vấn nói: "Mười niệm không phải phàm ngu niệm, không xen niệm kết sử. Vì sao chúng sinh phàm ngu đầy đủ phiền não mà có thể làm được việc đó ư?"

Đáp: Chẳng phải phàm ngu niệm, chẳng lẽ bậc Thánh nhân niệm ư? Không xen tạp kết sử niệm, chẳng lẽ là người đã dứt hết phiền não niệm ư? Đây là ý kinh. Nói chẳng phải phàm ngu niệm, không phải muốn nói bậc Thánh niệm. Không xen lẫn kết sử niệm, không phải là muốn nói người dứt hoặc mà niệm, chỉ muốn nói mười câu niệm Phật rằng có thể bỏ được nơi trôi lăn của cõi Ta-bà, thuận sinh về cõi nước

xuất thế giải thoát.

Chúng sinh phàm ngu phần nhiều thích sinh ở cõi uế của ba cõi, thọ sinh và thuận dòng sinh tử làm tăng trưởng các nghiệp kết sử phiền não, nay tu mười niệm, nguyện sinh Tịnh độ, quay lưng lại dòng sinh tử, bước lên đường Niết-bàn, hướng về pháp Hiền Thánh, thuận theo môn dứt hoặc, nên nói chẳng phải phàm ngu niệm, không xen lẫn kết sử niệm. Như giới của Đại Tỳ-kheo... gọi là giới mà bậc Thánh thọ, đâu phải phàm phu không được thọ ư? Ở đây cũng như thế, loại theo có thể biết.

Hỏi: Nếu niệm Phật A-di-đà được sinh Tây phương, phải nhờ nhiều ngày nhiều năm sinh Tịnh độ, cũng phải siêng năng thành khẩn gắng sức, nhiều thời gian xưng niệm danh hiệu Phật, nếu người đó sắp chết mà chí thành niệm Phật cũng được vãng sinh Tịnh độ và người sống một trăm tuổi, vui ít buồn nhiều, biệt ly dễ, hội họp khó, giờ vui vẻ ngắn ngủi, chỉ biết dọc ngang năm dục, buông lung sáu tình, cầm đuốc đi chơi đêm, cả đêm tụ tập vui chơi, ngày qua đời niệm một câu Phật, liền được vãng sinh, thoát hẳn các thứ khổ, đâu cần phải khổ hạnh trong thời gian dài, siêng năng bốn tu không mỏi mệt, ba nghiệp đều không, đều được vượt khỏi Ta-bà, đâu nhọc gì phải khổ hạnh trong thời gian dài?

Đáp: Câu hỏi này có nhiều ý, không thể dự nghe Tịnh giáo, bỏ mà không tu trì, đợi đến lúc qua đời, mới niệm Phật. Một là ông muốn nguyện vãng sinh Tịnh độ Tây phương suy ra là muốn tránh khổ não ở đây, mà sinh về Tây phương kia, không cầu Vô thượng Bồ-đề, không tu hạnh Bồ-tát, chỉ muốn mặc tình cây báu, mặc ý trân đài, không nguyện sớm ngộ vô sinh, đến lúc qua đời chỉ một niệm. Nếu vì chí hướng Phật quả, chứng Tam-bồ-đề, khẩn thỉnh hữu tình, mau thành Chánh giác, ở cõi uế này e sẽ thối Bồ-đề, đến cõi Tịnh độ kia mới tăng tu diệu hạnh, chứng vị Bất thoái, cứu chúng sinh khổ, mới muốn nhiều thời gian không gián đoạn tu đủ muôn hạnh, vì sao nay nghe pháp tịnh, không chịu tu hành, càng thờ ơ kiêu xa, làm nhiều việc buông lung, ngày qua đời mới, niệm Phật vãng ư?

Nếu muốn chí cầu đại quả Vô thượng, phát tâm Bồ-đề, nguyện sinh Tịnh độ, hận mình lang thang trong sinh tử, vô thỉ đắm chìm, nghe nói giáo pháp Tịnh độ Tây phương, thì khắp mình đều nổi óc, buồn khóc nước mắt như mưa, tiếc rằng nghe được pháp này quá trễ, đời này ngày đêm phải siêng năng, đâu được nghe giáo pháp thanh tịnh của Phật, càng buông lung sáu căn, hệ lụy cả ngày đêm, gây ra mười tội ác, ngày

qua đời mới niệm danh hiệu Phật, nói lời không hổ thẹn, đâu có thành đạo lý gì? Còn nếu khi qua đời niệm Phật, nhiều giờ xưng danh, công hạnh không sai, ngộ đạo không khác, có thể phải nhận lời ông suy đến ở sau. Nếu niệm ấy thêm nhiều, niệm niệm tăng đạo, công phu không luống uổng, tội nghiệp chuyển thành nhẹ, phước đức dần nhiều, thành bậc thượng của mình, chóng ngộ Vô sinh, lợi ích khác nhau, đâu được chỉ tu một niệm?

Vả lại, áo thô áo đẹp, thức ăn uống ngon, một thứ che thân và trừ đói khát, bây giờ bỏ y phục xấu này, mặc áo lụa nõn nà, không ăn những thức ăn dở, muốn tìm những thức ăn ngon. Huống chi niệm Phật nhiều ít, công hạnh khác nhau, liền bỏ đi lối tu dài, chọn cách tu ngắn này, ưa thích cơm ngon áo đẹp, sẽ không nói lời này, nghe tu tịnh hạnh, bỏ dài chọn ngắn, đây là phiền não của ông, không nói lời hổ thẹn, lời ma tiếng quỷ làm hoại loạn Phật pháp, thật không có một niệm tâm nguyện sinh, thấy người khác trong thời gian dài chuyên thành khổ hạnh nên nói lời này phá hoại ý tịnh của người, tổn mình hại người, rất nên cảnh giác.

Còn ông bây giờ nghe nói Tịnh pháp, trong không khổ não, ngoài đủ duyên lành, không chịu tu hành, đợi sắp chết mới niệm Phật. Khi sắp chết mới niệm Phật cũng được vãng sinh, nhưng hạng người này trong một vạn người không có được một người vãng sinh, hoặc bạn lành gặp gỡ, chưa hẳn đã gặp nhau; hoặc nhiều thứ khổ trói buộc thân, không kịp niệm Phật, hoặc trúng gió không nói được, không niệm được danh hiệu Phật, hoặc cuồng loạn thất tâm, đâu thể chú tưởng? Hoặc bỗng bị nước trôi lửa cháy, không rảnh chí thành; hoặc gặp cọp sói, do đó mà bị chết yểu; hoặc gặp bạn ác, phá hoại tín tâm của ông, hoặc uống rượu quá say, ngủ vùi cho đến chết; hoặc quân trận đánh nhau, trúng nhằm làm ông bị chết, hoặc rớt xuống núi cao, khó tu chánh hạnh, nhiều thứ chướng nạn, không thể kể ra hết, không thể một bề không tu, tham đắm năm dục này, chỉ nói ngày qua đời một niệm liền vãng sinh. Nên phải phát tâm tinh tấn, trừ ý nghĩ biếng nhác, cố gắng ba nghiệp này trong sáu thời kia, ngày đêm siêng năng, tu cạnh tranh với thời gian, một khi sinh về Tịnh độ, thì xa lìa hẳn triền cái, cho đến Bồ-đề thường không lui sụt, lợi ích rộng lớn, nên phải dụng tâm.

Hỏi: Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: "Sinh về nơi đó mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề." Đã nói ở cõi đó tu đạo một trăm năm bằng ở cái này tu một ngày, vì sao lại mau chứng Bồ-đề?

Thích: Việc tu đạo một ngày trong cõi khổ này hơn ở cõi kia một

trăm năm, nhưng gặp duyên ác, nhiều kiếp lui sụt, vẫn bị kéo lại. Ở cõi kia một trăm năm, bằng một ngày ở cõi này, chỉ tiến mà không có lùi, được gọi là mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Như người đi mau, nhiều giờ dừng lại, đến trước nhưng bị chậm lại, ở cõi này tu đạo một ngày hơn ở cõi kia tu một trăm năm, Phật không nói ở cõi này mau chứng Bồ-đề. Như người đi chậm, khoảng giữa không dừng nghỉ, mau đạt được chỗ trước, nên gọi là mau chứng Bồ-đề.

Hỏi: Niệm Phật nói ít, học tập không khó, khi người sắp qua đời, thời gian rất nhanh chóng, lại thêm khổ não, không thể thường tu giới, định, tuệ, Phật pháp sâu xa, khi người chưa qua đời, trong thời gian dài không còn khổ vì bị tinh thần bức bách lo nghĩ, tại sao không quán Không, Vô tướng, vô nguyện, tu các đạo phẩm, học rộng tất cả các pháp môn sâu xa, mà thường chỉ khuyên chúng sinh niệm Phật, có ý nghĩa gì ư?

Thích: Hành giả một đời tu nghiệp Tịnh độ, chẳng phải chỉ nghiêng nặng về khuyên niệm Phật, nhưng người tu hành, căn cơ có lợi độn, học thì có cạn sâu, nên kinh mới chia hai môn định và tán, người thì chia thành chín phẩm khác nhau. Người lợi căn tâm thanh tịnh, dạy tu quán hữu tướng, vô tướng, pháp môn bình đẳng sâu xa, nếu hạng độn căn tán loạn, chỉ thực hành nghiệp ba phước ba bậc. Chẳng phải chỉ nghiêng nặng về khuyên niệm Phật, mà còn tu các thứ pháp môn, nếu người đó không thể thực hành rộng được, thì chuyên niệm Phật cũng được vãng sinh Tịnh độ.

Còn pháp môn niệm Phật hoặc sâu hoặc cạn, thông định, thông tán, căn lớn hạnh nhỏ, đều được tu hành, định là bắt đầu ở phàm phu, cuối cùng ở Thập địa, thực hành niệm Phật Tam-muội, rất sâu xa nhiệm mầu, Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Văn-thù, Bát-nhã, Đại Tập Hiền Hộ, Quán Phật Tam-muội đều khen ngợi không thể suy nghĩ bàn luận. Như đồng tử Thiện Tài thưa hỏi cách tu hạnh Bồ-tát với Tỳ-kheo Công Đức Vân, Tỳ-kheo Công Đức Vân chỉ dạy pháp niệm Phật Tam-muội, là pháp rất sâu xa.

Tán là tất cả chúng sinh hoặc đi hoặc ngồi, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu đều được niệm Phật, không trở ngại các việc, cho đến lúc qua đời, cũng thành hạnh đó. Còn tu các hạnh vãng sinhTây phương, tuy có Thánh ngôn, nhưng văn kinh nói ít, niệm Phật được vãng sinh, thì giáo đó rất nhiều, lược trình bày năm ba phần để người mê hiểu rõ.

Như kinh A-di-đà chỉ nói niệm Phật A-di-đà được sinh Tây phương, hằng sa chư Phật sáu phương thè lưỡi đồng làm chứng cho hành giả

niệm Phật đều được vãng sinh. Kinh Quán nói Hạ phẩm thượng sinh, Hạ phẩm trung sinh, và Hạ phẩm hạ sinh, ba phẩm này văn kinh đều nói chỉ niệm Phật A-di-đà vãng sinh Tịnh độ, lại nói nhiếp thủ các chúng sinh niệm Phật không rời. Kinh Vô Lượng Thọ còn nói hàng thượng, trung, hạ tu hành có cạn sâu, đều chỉ một bề chuyên niệm Phật A-di-đà, được sinh Cực lạc. Còn trong bốn mươi tám hoằng thệ nguyện, thì pháp môn niệm Phật riêng phát một nguyện rằng: "Dù chỉ mười niệm, nếu không được sinh, thì không thành Chánh giác."

Còn các kinh Ban Chu Tam-muội, Đại Tập, Hiền Hộ... dạy chúng sinh bảy ngày, bảy đêm nhất tâm chuyên niệm Phật A-di-đà, được thấy Phật rồi thưa hỏi Phật rằng: "Chúng sinh thực hành pháp nào được vãng sinh Tịnh độ?" Phật A-di-đà dạy rằng: "Muốn sinh về cõi nước ta, phải niệm danh hiệu ta, không dừng nghỉ, liền sinh về cõi nước ta." Còn Kinh Cổ Âm Thanh Đà-la-ni cũng dạy chúng sinh trong mười ngày, mười đêm niệm Phật A-di-đà, được sinh về cõi nước Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Niệm Phật Tam-muội được thấy Phật, sau khi qua đời được sinh ở đời có Phật, thấy người ấy sắp qua đời khuyên niệm Phật, còn bày tôn tượng để cho người ấy cung kính chiêm ngưỡng." Kinh Chiêm Sát nói: "Nếu muốn vãng sinh về cõi nước Phật trong mười phương, phải niệm danh hiệu Phật ở cõi nước đó, liền được vãng sinh."

Như thế, rất nhiều kinh văn Đại thừa phần nhiều nói niệm Phật được sinh Tịnh độ, nay khuyên niệm Phật, chẳng phải là ngăn tu các diệu hạnh khác, chỉ là người niệm Phật đó được nhiều kinh khuyên khen, hoặc đi, hoặc ngồi cho đến khi qua đời đều được thực hành niệm Phật này, có lẽ là phương tiện an ổn nhất cho nên khuyên thực hành.

Hỏi: Sinh về Tịnh độ kia, chưa vào dòng Thánh, tức là phàm phu, đủ các phiền não, làm sao không khởi các nghiệp bất thiện? Nếu khởi thì trái với bản nguyện, nói: "Chúng sinh trong cõi nước ta không nghe danh từ bất thiện, được giải thích như thế nào?"

Thích: Chúng sinh phàm phu kia, dù chưa được quả Thánh, nhưng tất cả bất thiện đều không hiện hành. Nhưng bất thiện không hiện hành là có nhiều ý, hoặc duyên Thánh đạo đã khởi, dứt tùy miên kia, hoặc tu Thánh đạo phương tiện hàng phục hiện hành, hoặc duyên thiếu cảnh ác này, nên nó không sinh được, hoặc vì thường gặp duyên lành, thì không do đâu tạo tội; hoặc duyên các thắng tư, khiến cho lỗi không sinh, hoặc duyên vào bản nguyện của Phật, nên điều ác không khởi được. Dù có hạt giống của hoặc nhưng không hiện hành, nên kinh Xưng Tán Tịnh độ nói: "Các loại hoa thơm đẹp dù có thấy thân tâm ưa thích, mà không

tăng trưởng tâm tham đắm." Lại nói: "Nước tám công đức có công năng khiến cho người uống tăng thêm các gốc lành thù thắng." Như cơm ở cõi Phật Hương Tích dùng làm Phật sự... vì các duyên này mà các điều ác không khởi.

Hỏi: Kinh nói: Có bốn thứ nghiệp:

1. Hiện báo nghiệp.
2. Sinh báo nghiệp.
3. Hậu báo nghiệp.
4. Bất định nghiệp.

Ba nghiệp trước là định nghiệp, vì nhất định chiêu cảm quả báo. Một nghiệp sau là nghiệp bất định, có khi chiêu cảm, không chiêu cảm quả báo. Lại có tám thứ nghiệp:

1. Báo định, thời bất định.
2. Thời định, báo bất định.
3. Thời báo câu định.
4. Thời báo câu bất định.

1 và 3 là định nghiệp.

2 và 4 là bất định nghiệp.

Kinh nói năm tội nghịch là Sinh báo nghiệp, tức là thời định báo cũng định. Vì sao kinh Quán nói năm tội nghịch diệt, được vãng sinh Tây phương ư?

Thích: Bốn thứ nghiệp và tám thứ nghiệp này, trong chín bộ giáo Bất liễu nghĩa, vì các phàm phu không tin nghiệp quả mà Phật mật ý nói có quả báo nhất định, đối với các giáo liễu nghĩa Đại thừa nói tất cả nghiệp đều là bất định, như kinh Niết-bàn quyển 19 nói: "Kỳ-bà vì A-xà-thế nói pháp sám hối, tội được diệt, lại thần nghe Phật nói tu một thiện tâm có thể phá trăm thứ ác, như chút ít thuốc độc có thể hại chúng sinh, chút ít điều lành cũng vậy, có thể phá đại ác. Lại ở phần 31 nói: Này thiện nam! Có các chúng sinh tâm xem thường không tin nghiệp duyên, để độ họ nên nói như vậy: Thiện nam tử, tất cả nghiệp tạo ra có khinh, có trọng, hai nghiệp này mỗi nghiệp lại có hai thứ là quyết định và không quyết định. Lại nói: Hoặc có nghiệp nặng có thể làm thành nhẹ, hoặc có nghiệp nhẹ có thể làm thành nặng. Kẻ có trí nhờ sức trí tuệ có thể chịu đựng nhẹ nhàng nghiệp cực trọng của địa ngục hợp ở đời này. Kẻ ngu si hiện đời lại chịu đựng nặng nề nghiệp nhẹ của địa ngục. Vua A-xà-thế sám hối tội xong không còn vào địa ngục, không đọa vào địa ngục, Ương-quật-đa-la được quả A-la-hán." Luận Du-già nói: "Chưa được giải thoát, gọi là quyết định nghiệp; đã được giải thoát, gọi là bất

định nghiệp." Các kinh luận Đại thừa như thế nói năm tội nghịch đều là Bất định nghiệp, đều được tiêu diệt. Nay kinh Quán đã là kinh điển Đại thừa, nói niệm Phật A-di-đà, năm tội nghịch tiêu diệt, thì có gì nghi?

Hỏi: Như trong các kinh luận đều dẫn khế kinh, nói có hắc hắc nghiệp, bạch bạch nghiệp, tạp nghiệp, phi hắc bạch vô dị thục nghiệp. Hắc hắc nghiệp: là nghiệp bất thiện của cõi Dục, Bạch bạch nghiệp là nghiệp thiện của cõi Sắc và cõi Vô sắc; Tạp nghiệp là nghiệp thiện của cõi Dục; Phi hắc bạch vô dị thục nghiệp là nghiệp vô lậu. Không biết ngày nay tạo nghiệp Tây phương, thì thuộc về nghiệp nào trong bốn nghiệp đó.

Thích: Có thuyết nói là thuộc Bạch bạch nghiệp và Tạp nghiệp trong bốn nghiệp, vì Hắc hắc nghiệp là bất thiện, chiêu cảm ba đường, đâu thể vời được quả báo Tịnh độ? Nghiệp Vô lậu không thể cảm, báo thể dù có thanh tịnh, nhưng chẳng phải nhân Dị thục, chỉ trừ hai nghiệp chiêu cảm được quả báo Tịnh độ. Nếu chưa được định của cõi trên, dùng tâm cõi Dục tu nghiệp Tây phương, ở đây dùng Tạp nghiệp vãng sinh Tây phương; nếu đã hàng phục được hoặc của cõi Dục được tâm tịnh của cõi trên sinh Tây phương, đây là dùng bạch bạch nghiệp sinh Tịnh độ. Có thuyết cho rằng không phải như thế, ba nghiệp này đều đứng về cõi Dục và cõi Sắc của cõi uế, hai đường thiện và ác để phân chia nghiệp đó, chẳng phải đứng về Tây phương để nói về cái thiện của bạch bạch nghiệp. Vả lại, Tạp nghiệp là nghiệp trời, người của cõi Dục, có thể vời lấy tạp báo, dù có thọ quả vui cũng vời quả khổ, nên ở trong cõi Dục thọ quả khổ vui. Vãng sinh Tịnh độ không có các khổ, chỉ một bề an vui, đâu chấp nhận tạp nghiệp làm nhân Tịnh độ? Nếu chỉ có bạch bạch nghiệp là nhân Tịnh độ, nếu chưa sinh, mà được bốn định làm nhân thì nghiệp nào sinh về Tây phương? Nên biết rằng chánh nhân Tịnh độ chẳng phải thuộc về nghiệp trước, bốn nghiệp trước thuộc về pháp bất tận, đối với lý đâu có chướng ngại gì? Còn nghiệp của cõi Vô sắc có văn, nói chẳng thuộc về nghiệp thứ tư, y cứ theo đây thì biết, nghiệp thứ tư thuộc về nghiệp bất tận.

Hỏi: Luận Đại thừa, Tiểu thừa dẫn khế kinh, nói có ba thứ nghiệp: Tội, phước và bất động nghiệp, chẳng biết trong ba nghiệp, dùng nghiệp nào để được vãng sinh cõi Cực lạc?

Thích: Có thuyết nói trong ba nghiệp, dùng phước nghiệp và bất động nghiệp để vãng sinh Tây phương. Ba phước tức là phước nghiệp, mười sáu pháp quán nếu được tâm định ở cõi trên tức là Bất động nghiệp. Có thuyết nói chẳng thuộc về ba nghiệp, vì ba nghiệp đều

nói theo nghiệp cõi uế, không nói theo Tịnh độ, nên nghiệp Tịnh độ chẳng phải ba nghiệp.

Hỏi: Không biết được sinh Tây phương có mấy loại lợi ích cao quý để, khuyên các chúng sinh vãng sinh?

Thích: Theo kinh Xưng Tán Tịnh Độ, kinh Quán và kinh Vô Lượng Thọ thì trong bốn mươi tám hoằng thệ nguyện có lược nêu ba mươi thứ lợi ích. Ba mươi thứ lợi ích ấy là:

1. Thọ dụng chủng chủng công đức trang nghiêm thanh tịnh Phật độ ích.
2. Đại thừa pháp lạc ích.
3. Thân cận cúng dường Vô Lượng Thọ Phật ích.
4. Du lịch Thập phương cúng dường chư Phật ích.
5. Ư chư Phật sở văn pháp thọ ký ích.
6. Phước tuệ tư lương tật viên mãn ích.
7. Tốc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề ích.
8. Chư Đại sĩ đẳng đồng nhất tập hội ích.
9. Thường vô thoái chuyển ích.
10. Vô lượng hạnh nguyện niệm niệm tăng tiến ích.
11. Anh võ Xá-lợi tuyên dương pháp âm ích.
12. Thanh phong động thọ như thiên chúng nhạc ích.
13. Ma-ni thủy lưu tuyên thuyết khổ không ích.
14. Chư nhạc âm thinh tấu chư pháp âm ích.
15. Trong bốn mươi tám hoằng thệ nguyện dứt bặt tam đồ ích.
16. Chân kim sắc thân ích.
17. Hình vô mỹ xú ích.
18. Cụ túc ngũ thông ích.
19. Trụ chánh định tụ ích.
20. Vô chư bất thiện ích.
21. Thọ mạng trường viễn ích.
22. Y thực tự nhiên ích.
23. Duy thọ chúng lạc ích.
24. Tam thập nhị tướng ích.
25. Vô hữu thật nữ nhân ích.
26. Vô hữu Tiểu thừa ích.
27. Ly chư bát nạn ích.
28. Đắc tam pháp Nhẫn ích.
29. Thân hữu quang minh trú dạ thường quang ích.
30. Đắc Na-la-diên lực ích.

Lược nêu ba mươi thứ lợi ích, rộng thì vô lượng vô biên, thế nên khuyên sinh Tây phương. Nếu ở Ta-bà, trôi mãi trong dòng sinh tử chỉ có ba mươi thứ tổn hại, đâu có được các lợi ích kia?

Hỏi: Kinh Di-lặc Sở Vấn nói tu mười niệm mới được vãng sinh:

1. Đối với tất cả chúng sinh thường khởi lòng từ.

2. Đối với tát cả chúng sinh không hủy một hạnh nào, nếu có hủy thì qua đời không được vãng sinh.

3. Đối với tất cả chúng sinh rất khởi bi tâm, không có tâm tàn hại.

4. Phát tâm hộ pháp, không tiếc thân mạng.

5. Đối với tất cả pháp không sinh phỉ báng.

6. Đối với nhẫn nhục sinh tâm quyết định, thâm tâm, thanh tịnh không tham lợi dưỡng.

7. Phát tâm Nhất-thiết-chủng-trí, ngày ngày thường niệm, không có dừng bỏ.

8. Đối với tất cả chúng sinh khởi tâm tôn trọng, trừ tâm kiêu mạn, khiêm hạ lời nói.

9. Đối với lời nói thế gian không sinh tâm tham đắm lời hay, gần với ý giác đạo, khởi sâu các thứ nhân duyên thiện căn.

10. Không sinh tâm ồn ào náo loạn, chánh niệm quán Phật, trừ bỏ các tưởng.

Y cứ theo văn kinh này, mười niệm tự nó khác biệt, làm sao xưng niệm mười câu A-di-đà Phật mà được vãng sinh, há không lầm sao?

Thích: Pháp môn tu hành vãng sinh Tây phương, chẳng phải một, hoặc có ba thứ phước, hoặc có mười sáu pháp quán, hoặc chín phẩm vãng sinh, mỗi nghiệp khác nhau, đều được vãng sinh Tịnh độ thọ sinh. Kinh Di-lặc Sở Vấn tự trình bày mười pháp vãng sinh, mà cũng được sinh. Kinh Quán tự nói Hạ phẩm hạ sinh, khi qua đời, xưng mười câu niệm Phật mà được vãng sinh, đều là Thánh giáo nói về pháp môn vãng sinh Tịnh độ, đều thành Tịnh nghiệp, vì sao cho đó là phải, chê lời này là quấy? Chỉ tự mình không hiểu được ý kinh, cũng là mê hoặc người học, như vào dòng chín phẩm, ông quan nhỏ ở huyện úy, hoặc có thể thuộc lòng một bộ kinh, hoặc là học Tiến sĩ, hoặc là lưu ngoại huân phẩm, hoặc là bảy sắc xuất thân, hoặc làm mười năm phẩm tử, đều được vào dòng, hết thảy là thừa úy, đâu có giới hạn ở một nghiệp làm văn lâm lang nghiệp? Vãng sinh cũng giống như thế, chẳng phải chỉ một hạnh sinh Tây phương kia, cho nên hai môn Định, Tán, có nói trong kinh Quán, ba lớp tu phước xuất xứ từ kinh Vô Lượng Thọ, chỉ

niệm danh hiệu Phật, bởi vì kinh A-di-đà dạy, hoặc là trì kinh điển Đại thừa, hoặc lại hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ, gốc lành thế gian và xuất thế gian, định nghiệp, bất định nghiệp, chỉ trì và tác trì, thân thiện khẩu thiện, đều sinh Tịnh độ, đâu có hạn cuộc ở một môn?

Ông phải đọc nhiều kinh, khai sinh chánh tín, đâu được chỉ xem có một bộ kinh, liền làm luận chỉ nam, đem Thánh giáo khác hoàn toàn chẳng phải nhân vãng sinh, sao mê hoặc điều đó. Còn tu nhân thì có muôn lớp, đắc quả có nhiều bậc, không thể giới hạn bằng một nhân một quả.

Hỏi: Bồ-tát tu hành lấy lợi vật làm bản hoài, đại từ bi niệm niệm thường khởi, lẽ ra phải đi trong đường ác, trải qua ba đường, thương xót kẻ đắm chìm kia, đều khiến cho họ hết khổ, nay xả bỏ cõi uế này, nguyện sinh Tịnh độ, tự tìm cái vui cho mình, không muốn làm lợi ích cho người, từ vô thỉ, cha mẹ, anh em, sáu thân quyến thuộc, bạn bè tới lui, đều bị giam cầm trong lao ngục ba cõi, bỏ mà không cứu, hoàn toàn không có lòng thương xót, đâu thành tâm của Đại sĩ, mới là hạnh Bồ-tát. Nay nguyện sinh Tịnh độ, chẳng vì thiện tâm, không hiểu nguyên do, xin trình bày tôn chỉ này.

Thích: Phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát, cần phải phát đại Từ bi, thương xót hàm thức, mở rộng cứu vớt, nhổ gốc khổ đau, ban bố an vui. Nhưng thực hành có cạn sâu. Căn cơ có cao thấp, nếu Bồ-tát học sâu, đại Bi tăng thượng, đã được bất thoái, không sợ mình tổn hại, chỉ muốn lợi ích cho người, phần lớn đều ở cõi uế, thực hành lợi vật rộng khắp, ít sinh Tịnh độ, gần gũi Thánh tôn, hoặc Bồ-tát hạnh cạn, đại trí tăng thượng, còn có lui sụt, tuy có lòng thương xót chúng sinh khổ não, nhưng hễ gặp duyên ngu ác, thì lui sụt hạnh Bồ-đề, tạo các nghiệp ác, mất tâm Bồ-đề, như kinh Bồ-tát Bổn Nghiệp Anh Lạc nói vương tử Pháp tài... Đây tức là hai lợi đều mất, mình và người đều tổn, dùng nguyện sinh Tịnh độ này, lìa duyên ác kia, gần gũi Thánh tôn, thường nghe chánh pháp, cùng các Bồ-tát hội họp một chỗ, đi qua phương khác, rải hoa cúng dường, lại nghe pháp mầu chân tịnh Đại thừa, niệm niệm tăng thêm không có lui sụt, càng không có Nhị thừa, Xiển-đề, ngoại đạo làm hư hoại tâm người mới học đạo Vô thượng.

Tuy có tâm cứu khổ niệm niệm không bỏ, hạnh tự lợi là gốc của hạnh lợi tha, gốc nếu không chắc, ngọn cũng không bền, thế nên trước phải nguyện sinh Tịnh độ, nuôi lớn mầm gốc của Bồ-đề, khiến cho nó bền chắc, dù gặp duyên ác, cũng không lui sụt, mới có thể lìa được Tịnh độ này, sinh trở lại Ta-bà, cứu độ cha mẹ có duyên đắm chìm từ vô thỉ,

sáu thân quyến thuộc, bạn bè tri thức, hàm linh trong pháp giới. Nghĩa này trong An Lạc Tập, của Thiền sư Đạo Xước đã dẫn rộng. Cha mẹ bị chìm, sắp trôi theo dòng nước, một đứa con theo sau, nhảy xuống sông cứu, cứu không được, lại bị chìm chết, một người con khác trở về nhà, sắm đủ ghe thuyền, đi thẳng xuống dòng sâu, cứu người thân nguy khốn. Nghĩa này cũng giống như vậy, các bậc trí, y theo dụ này mà hiểu.

Hỏi: Luận Tịnh độ có bài kệ: "Giới gốc lành Đại thừa, hoàn toàn không có từ ngữ ganh ghét, người nữ và kẻ thiếu căn, Nhị thừa không được sinh." Cõi đó đâu có Thanh văn, mà trong kinh nói có vô lượng vô biên đệ tử Thanh văn dều là bậc A-la-hán?

Thích: Ở đây có bốn cách giải thích:

1. Về Nhị thừa không sinh, theo luận Du-già Sư Địa nói: "Có chúng sinh năm thừa, từ vô thỉ đến nay, pháp như thị đã thành tựu tánh năm thừa riêng biệt:

1. Bồ-tát thừa.
2. Duyên giác thừa.
3. Thanh văn thừa.
4. Nhân thiên thừa.
5. Bất định thừa.

Nói Nhị thừa không sinh là Duyên giác thừa và Nhân thiên thừa, vì Duyên giác thừa, chắc chắn thọ quả Duyên giác, thường sinh về thế giới không có Phật, không thể sinh ở Tịnh độ, vì Tịnh độ có Phật, lại không tin có Tịnh độ ở mười phương; Nhân thiên thừa chỉ là phàm phu trôi lăn trong sinh tử, không thể sinh Tịnh dộ, vì chúng sinh ở Tịnh độ đều phải được Vô thượng Bồ-đề.

2. Nghĩa trước không đúng, vì nếu Nhị thừa không sinh mà chọn lấy Duyên giác thừa, Nhân thiên thừa, thì tức Thanh văn thừa được sinh, vì sao nói "Giới gốc lành Đại thừa?" Lại nói chẳng những không có ba thứ thể mà cũng không có ba thứ tên; nay hạt giống Nhị thừa không sinh, bất luận Nhân thiên thừa, chỉ đối với ba thừa trừ Thanh văn thừa và Duyên giác thừa, gọi là Nhị thừa bất sinh.

Hỏi: Nếu Thanh văn, Duyên giác thừa bất sinh, thì tại sao cõi nước kia có Thanh văn?

Đáp: Nói không có Nhị thừa là không có Nhị thừa định tánh, Nhị thừa ở cõi đó đều là Thanh văn Bất định tánh, đều có thể hồi tâm về Đại thừa.

Bồ-tát Thiên Thân y theo luận Du-già Sư Địa, mà soạn luận, nên Nhiếp luận nói rằng: "Mở xem quyết định tạng, để giải thích nhiếp Đại

thừa." Quyết định tạng tức là phần Quyết trạch trong Du-già Sư Địa. Nay soạn luận Tịnh độ vẫn y theo tông của bộ luận đó, có nghĩa của năm thừa tánh, nên nói hạt giống Nhị thừa bất sinh.

3. Các Đại đức giải thích văn này nói: Thanh văn có hai loại:

a. Ngu pháp Thanh văn, đời này chưa thể hồi tiểu hướng đại.

b. Bất ngu pháp, nghĩa là Thanh văn đã có thể hồi tiểu hướng đại.

Trước gọi là Nhị thừa chủng, vì không hồi tâm hướng đại, không tin có Tịnh độ, không nguyện vãng sinh, sau gọi là phi Nhị thừa chủng, tuy tu tiểu hạnh, nhưng vì tin Đại thừa nên nguyện sinh Tịnh độ.

4. Giải thích rằng: Họ vì hồi tâm hướng đại đã tu Thánh đạo dứt hoặc, đều là thú hướng Vô thượng Bồ-đề nên không gọi là Nhị thừa. Vì thành quả Phật nhất định phải dứt nhân chấp và pháp chấp, cả hai tập khí đó đều mất hết, chứng nhân không và pháp không, cuối cùng đầy đủ, mới được gọi là Phật. Vì trước họ là Tiểu thừa, nhàm chán nhân chấp phiền não nên dứt chấp này trước, chọn tứ quả kia, nên gọi là A-la-hán, cũng gọi là Thanh văn, nhưng chẳng phải Tiểu thừa.

Tên A-la-hán chẳng phải chỉ là tiểu quả, vì Phật cũng được gọi là A-la-hán, như luật Tứ Phần nói: "Phật độ A-nhã Kiều-trần-như rồi, ý nói tam thiên đại thiên thế giới có hai A-la-hán là Phật và A-nhã Kiều-trần-như." Nên danh từ A-la-hán chẳng phải gọi Tiểu quả, tên Thanh văn cũng chung với Đại thừa, nên kinh Pháp Hoa nói: "Chúng ta ngày nay thật là Thanh văn, dùng âm thanh của Phật đạo khiến cho tất cả được nghe." Đây là Bồ-tát Thanh văn.

"Chúng ta hôm nay, thật là A-la-hán, đối với các thế gian, trời, người, ma phạm, khắp trong đó, nên nhận cúng dường." Đây là Bồ-tát Đại thừa. Tên tuy đồng với Tiểu quả, nhưng nghĩa có khác. Nay Thanh văn A-la-hán Tịnh độ, ở đều là người thú hướng cầu Vô thượng Bồ-đề, nên chẳng phải hạt giống Nhị thừa, cũng chẳng phải Nhị thừa danh, vì đã phát tâm Đại thừa, tuy gọi Thanh văn, nhưng chẳng phải tên Tiểu thừa. Như kinh Pháp Hoa nói: "A-la-hán kia đã hồi tâm hướng đại, Phật thọ ký cho hiệu là Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, đến khi kết tập, lấy tên A-la-hán, đâu phải là thối tâm Đại thừa, thú cầu Tiểu quả?"

Lại kinh Duy-ma-cật nói rằng: "Ca-diếp nói: Ta từ đây về sau, không còn khuyên người tu hành Thanh văn, Bích-chi-Phật." Vì sao ngày kết tập, lại khuyên A-la-hán giữ lấy quả A-la-hán? Nên biết rằng A-la-hán chẳng phải là quả Tiểu thừa. Hạnh sở hành của A-nan sau khi

Phật thọ ký, đều thú hướng Phật, nên biết tức là hạnh Bồ-tát Đại thừa.

Nhưng người đến thẳng Tây phương trước phải dứt pháp chấp phiền não, tu đạo nhân chấp phiền não đến tâm Kim cương mới đốn trừ, liền được thành Phật. Từ xưa đến nay, Bồ-tát trực vãng trước tác ý muốn dứt trừ pháp chấp, nên lưu hoặc cho đến khi hoặc hết, có trí Nhất thiết của Phật, vì phiền não pháp chấp sâu kín khó trừ, chướng ngại đại quả Tam-bồ-đề, đối với Thanh văn là Bạch tịnh vô ký, đối với Bồ-tát là Hữu phú vô ký, Bồ-tát thiên về nhàm chán, nên Nhiếp luận nói: "Trí ngăn che cùng cực mờ tối, nghĩa là chân tục riêng chấp." Đó là thiên về trước đoạn.

Phiền não nhân chấp làm chướng ngại Niết-bàn. Hàng Thanh văn rất nhàm chán sinh tử, chỉ cầu tự lợi, không thể tu học Nhất thiết trí của Phật, nên họ không có tâm dứt phiền não pháp chấp. Phiền não pháp chấp không chướng ngại Bát-niết-bàn, nên Thanh văn dứt hết nhân chấp, được Niết-bàn. Nay Thanh văn này đối với bảy phương tiện, hoặc là hàng tam phẩm ở giai vị trước bảy phương tiện, trước vì cầu Thanh văn, rất nhàm chán phiền não nhân chấp, nên tác ý dứt trừ hoặc này. Nay sinh Tây phương, tuy hồi tâm thú hướng cầu quả Phật, nhưng trước vì nhàm chán phiền não nhân chấp, nên vẫn y theo tập khí cũ, nói cho họ nghe pháp Tứ đế, giúp họ dứt hết phiền nhân chấp não kia, kiến hoặc, và tu hoặc, khi dứt hai hoặc này, tất nhiên phải thấy lý bốn Chân đế, dùng Thánh đạo vô lậu dứt phiền não này.

Dứt kiến hoặc gọi là Dự lưu, chẳng phải trụ ở đạo đó mà gọi là Dự lưu. Dứt tu hoặc rồi, gọi là A-la-hán, như A-la-hán không có các hoặc, tuy có tên này, nhưng chỉ là hạnh Bồ-tát. Hai hạng tiệm và đốn đều thực hành hạnh Bồ-tát, đều thú hướng cầu quả Phật, tuy đều được gọi là Bồ-tát, nhưng người quanh co cũng được gọi là Thanh văn, vì nhờ âm thanh mà ngộ đạo, lại vốn là tiểu cơ, cũng được gọi là Bồ-tát, vì họ thú hướng cầu Đại Bồ-đề. Cho nên hàng Bồ-tát, vì muốn đến thẳng, nên chỉ gọi là Bồ-tát, không gọi là Thanh văn, vì vốn không phải nhờ âm thanh mà ngộ đạo, nên Phật dùng hai tên để chọn ra hai chúng đệ tử Tiệm, Đốn nên nói Vô lượng vô biên đệ tử Thanh văn, đều là A-la-hán, chẳng phải là con số đã được biết, các Bồ-tát cũng giống như thế.

Hỏi: Thế giới Chúng hương và thế giới Cực lạc đều là cõi Phật thanh tịnh của Đại thừa, vì sao thế giới Chúng Hương không có danh từ Thanh văn, Bích-chi-Phật, chỉ có chúng Đại Bồ-tát thanh tịnh, trong khi thế giới Cực lạc mới có vô lượng vô biên đệ tử Thanh văn, chúng Thanh văn này đâu phải là Tiểu thừa?

Thích: Hai Tịnh độ này tuy đều là cõi Phật của Đại thừa, nhưng Thánh chúng ở đó có thông, có hạn cục, thế giới Chúng Hương là chỉ là người thú hướng Đại thừa, đối với tám pháp tu hành của thế giới Ta- bà này không có tì vết, sinh về cõi Tịnh độ kia, chỉ nghe Đại thừa đốn giáo, nên kinh nói ở đó chỉ có Đại Bồ-tát thanh tịnh, không có danh từ Nhị thừa. Thế giới Cực lạc có cả các vị đại Thanh văn hồi tiểu hướng đại sinh Tịnh độ kia, nghe chung hai thứ đốn tiệm Đại thừa, gom cả hai giáo về một, phát thú Đại tâm, hành hạnh Bồ-tát, dùng tập khí đời trước dứt hoặc nhân chấp, tuy hành đạo Bồ-tát, nhưng trước đã dứt phiền não chướng rồi, nên được gọi là Thanh văn A-la-hán. Tuy nói Thanh văn, nhưng dùng âm thanh Phật đạo khiến cho tất cả được nghe; tuy gọi là A- la-hán nhưng xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của các thế gian, nên đều là cõi Đại thừa, hai chúng đến thẳng và đi vòng khác nhau.

Hỏi: Như trong thiện căn của phần tứ Quyết trạch trong Tiểu thừa thì noãn không thọ tà giáo, đảnh không dứt thiện căn, nhẫn không sinh đường ác, thế đệ nhất pháp chắc chắn vào Thánh đạo, đây tức là đến hạ phẩm nhẫn vị, mới được ác thú phi trạch diệt. Bồ-tát vì lợi sinh không bị biến dịch sinh tử, vẫn tự chưa được ba ác thú, phi trạch diệt, làm sao phàm phu cực ác một khi sinh Tịnh độ, một câu, mười câu xưng niệm danh hiệu Phật, liền được dứt hẳn ba đường ác mà không sinh trở lại?

Thích: Người ở vị thiện căn Quyết trạch phần của Tiểu thừa, ở cõi uế lui sụt, hai thiện căn noãn và đảnh còn bị thối vị, nên đến nhẫn thiện căn mới được ác thú phi trạch diệt. Nhưng tông Tát-bà-đa cũng chấp nhận nghĩa khác, trước nhẫn vị được ác thú, phi trạch diệt, nhưng không quyết định. Nay sinh Tây phương, vẫn ở chỗ thù thắng, thường thấy Thánh chúng, thường nghe pháp mầu, hạnh nguyện cao quý, niệm niệm tăng tiến, các nghiệp ác từ trước dần dần tiêu diệt, các thiện phẩm về sau, từng niệm tu thêm, thiếu duyên ác kia, nên được phi trạch diệt, được không lui sụt, nhờ nguyện lực nên đến các đường ác, cứu vớt chúng sinh đắm chìm, nguyện lực thọ sinh, không từ nghiệp mà đến, không rơi vào đường ác, nghĩa nó không trở ngại.